TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:172/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Trường**.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thu Yến**;**
2. Ông Nguyễn Văn Long**;**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Phạm Vân Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa*: Ông Tống Việt Nhân - Kiểm sát viên .

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2019/TLST-HNST ngày 05 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2019/QĐ-ST ngày 23/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng C, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Kim L - Văn Phòng luật sư Kim Loan, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Phan Minh C, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 6/5 đường N, Phường 8, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Bà C, bà Loan có mặt, ông C xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản khai và quá trình tố tụng, bà Võ Thị Hồng C trình bày: bà C và anh Phan Minh C sống chung năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống và cách nghĩ khác nhau, thường xuyên cãi vả. Nay, bà C yêu cầu tòa giải quyết không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con **c**hung tên Phan Ngọc Ánh D, sinh ngày 27/7/2011 và Phan Hoàng L, sinh ngày 11/06/2015. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu D và L. Bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu D và L tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phan Minh C có đơn xin vắng mặt; tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông trình bày ông thống nhất với trình bày của bà C về thời gian chung sống và việc ông bà không đăng ký kết hôn. Nay bà C kiên quyết xin ly hôn thì ông cũng thống nhất yêu cầu tòa giải quyết không công nhận ông và bà C là vợ chồng.

Về con chung: ông C thống nhất giao 02 con chung tên Phan Ngọc Ánh D, sinh ngày 27/7/2011 và Phan Hoàng L, sinh ngày 11/06/2015 cho bà C nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu D và L tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Quá trình chung sống ông bà không đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ của bà Võ Thị Hồng C và ông Phan Minh C không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình .

[2] Đối với yêu cầu của bà C, Tòa xét thấy:

Theo lời trình bày của bà C thì bà và ông C phát sinh mâu thuẫn từ tháng đầu năm 2017 và ly thân với nhau từ tháng 11/2018 đến nay, nguyên nhân là thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống và cách nghĩ khác nhau. Hiện nay bà C không còn tình cảm với ông C. Quá trình chung sống từ năm 2010 cho đến nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Ông C thống nhất ông và bà C sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy bà C và ông C sống chung nhưng không đăng ký theo quy định của pháp luật, nay bà C khởi kiện nên Tòa án không công nhận bà C và ông C là vợ chồng. Bà C yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Phan Ngọc Ánh D, sinh ngày 27/7/2011 và Phan Hoàng L, sinh ngày 11/06/2015, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu. Ông C thống nhất giao con chung cho bà C nuôi và đồng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem

xét.

[5] Về án phí: Bà C,ông C phải chịu án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: bà C và ông C chung sống chung sống từ năm 2010 cho đến nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay bà C khởi kiện nên đề nghị Tòa án không công nhận bà C và ông C là vợ chồng. Bà C yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Phan Ngọc Ánh D, sinh ngày 27/7/2011 và Phan Hoàng L, sinh ngày 11/06/2015, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu. Ông C thống nhất giao 02 con cho bà C nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu nên đề ngị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung; tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ông C xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 ; Điều 110; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng C.

1. Không công nhận bà Võ Thị Hồng C và ông Phan Minh C là vợ chồng.

2.Về con chung: công nhận thỏa thuận giữa bà C và ông C như sau :giao 02 con chung là cháu Phan Ngọc Ánh D, sinh ngày 27/7/2011 và Phan Hoàng L, sinh ngày 11/06/2015 cho bà C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phan Minh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng/cháu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu D và L tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Phan Minh C có quyền được thăm nom chăm soc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3.Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Võ Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.. Bà C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai 0000381 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M,tỉnh Tiền Giang xem như bà C thi hành xong. Ông Phan Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Bà Võ Thị Hồng C quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Ông Phan Minh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.*
- *VKS nhân dân Thành phố M.*
- *Chi cục Thi hành án dân sự TP M.*
- *Ủy ban nhân dân Phường 8.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Nguyễn Huỳnh Trường